

## CHIẾN TRANH BIÊN GIỚI - CUỘC CHIẾN PHỨC HỢP VÀ KÉO DÀI HƠN MỘT THẬP KỶ CỦA TRUNG QUỐC VỚI VIỆT NAM (1979 - 1989)

TRẦN THỊ NHUNG\*

*Ngày 17/2/1979, quân Trung Quốc đồng loạt tiến công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc. Sau hơn hai tuần chỉ tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam được hơn 15 kilomet và bị tổn thất nặng nề, quân Trung Quốc được lệnh rút lui khỏi Việt Nam vào ngày 5/3/1979. Tính cả thời gian tiến công và thời gian rút lui đến 16/3/1979, quân Trung Quốc chỉ có mặt trên đất Việt Nam 1 tháng, nhưng cuộc chiến tranh này thực tế không đơn giản và chóng vánh như vậy, mà nó là một cuộc chiến phức hợp (diễn ra trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế) và trên thực tế còn kéo dài cho đến năm 1989, khi quân Trung Quốc rút khỏi mặt trận Vị Xuyên (Hà Giang). Đặt cuộc chiến tranh này trong bối cảnh toàn diện và với những hành động mà Trung Quốc đã theo đuổi, có thể giúp hiểu rõ hơn nguyên nhân, tính chất của cuộc chiến tranh, cũng như những bài học kinh nghiệm cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện tại.*

*Từ khóa:* chiến tranh biên giới, cuộc chiến phức hợp, Việt Nam, Trung Quốc, 1979 - 1989

*Nhận bài ngày:* 28/2/2019; *đưa vào biên tập:* 29/2/2019; *phản biện:* 10/3/2019; *duyet đăng:* 28/3/2019

### 1. CUỘC CHIẾN PHỨC HỢP

Danh từ “*cuộc chiến phức hợp*” mà tác giả muốn nói đến ở đây là để chỉ một cuộc chiến tranh đã được chuẩn bị và thực hiện một cách toàn diện, không chỉ trên mặt trận quân sự, mà

trên tất cả các mặt: chính trị, ngoại giao, kinh tế, quân sự... ở cả trong nước và quốc tế; hay nói cách khác, cuộc chiến tranh không diễn ra vì những lý do ngẫu nhiên, bất chợt, mà nó đã nảy sinh từ trong ý đồ chiến lược lâu dài và được chuẩn bị sẵn cả về dư luận, lực lượng và thế trận nhiều mặt, để khi có lý do là phát động

\*Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

tiền công. Cuộc chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc Việt Nam của Trung Quốc chính là một cuộc chiến tranh như vậy. Trung Quốc tiến hành một cuộc chiến phức hợp là nhằm buộc Việt Nam cùng lúc phải đối phó trên nhiều hướng và cho rằng Việt Nam sẽ không đủ sức để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và sự độc lập của mình. Những phân tích dưới đây sẽ làm rõ hơn về tính phức hợp trong cuộc chiến tranh biên giới năm 1979 của Trung Quốc.

### 1.1. Trên mặt trận chính trị

Mặc dù là một trong hai nước viện trợ lớn nhất cho Việt Nam trong chiến tranh chống Mỹ (1954 - 1975), nhưng Trung Quốc có những toan tính riêng cho mình. Khi chiến tranh còn đang diễn ra, Trung Quốc muốn dùng Việt Nam như một khu vực đệm an toàn cho biên giới phía Nam, là con bài có thể dùng để mặc cả trong mối quan hệ với Mỹ, do đó Trung Quốc muốn kiềm chế Việt Nam đi đến chiến thắng cuối cùng. Tuy nhiên Việt Nam giữ sự độc lập trong đường lối của mình. Vì vậy, khi Việt Nam đạt được thống nhất, Việt Nam trở thành trở lực lớn cho các tham vọng của Trung Quốc. Theo hai tác giả Úc trong cuốn *Chiến tranh giữa những người anh em đỏ* (Grant Evans & Kevil Rowley, 1986) thì "Tài liệu Côn Minh" năm 1973 tiết lộ: "Trung Quốc mong muốn tự xây dựng mình thành một cường quốc khổng lồ chế trong khu vực, khi ảnh hưởng của Mỹ giảm dần và xem Liên Xô là kẻ thù chính của mình... Là một đồng minh mà Bắc Kinh đã ủng hộ trước đây,

Việt Nam tự nhiên được coi như phải chịu dưới bá quyền của Trung Quốc. Sức ép với Hà Nội đã bắt đầu ngay trước khi Sài Gòn sụp đổ, với sự chiếm đóng các đảo Paracel (Hoàng Sa - TTN) năm 1974 và sức ép đó đã tăng lên nhanh chóng sau đó". Thực tế, trước khi chiếm đảo Hoàng Sa, sau Thông cáo chung Mỹ - Trung năm 1972, kết quả chuyến thăm của Tổng thống Mỹ Nixon đến Bắc Kinh, Trung Quốc đã cắt giảm viện trợ cho Việt Nam và đe dọa sẽ cắt hoàn toàn nếu Việt Nam tiếp tục nhận viện trợ của Liên Xô, đến năm 1977 thì Trung Quốc chính thức dừng viện trợ. Trong bối cảnh bị sức ép lớn từ Trung Quốc, Việt Nam vẫn lựa chọn duy trì mối quan hệ với Liên Xô, do những yêu cầu từ thực tế: cần sự viện trợ của một nước lớn mạnh hơn về kinh tế và vũ khí kỹ thuật để bảo vệ và tái thiết đất nước sau chiến tranh. Vì vậy, tháng 1/1978, Trung Quốc tiếp tục hủy bỏ Hiệp ước lãnh sự đối với Việt Nam, sau đó buộc các lãnh sự quán Việt Nam ở Côn Minh, Quảng Châu và Nam Ninh phải về nước.

Song song với việc gây sức ép với Việt Nam trong mối quan hệ quốc tế, Trung Quốc còn gây xáo trộn trong xã hội Việt Nam. Tháng 4/1978, Việt Nam tiến hành cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam. Hoạt động này đương nhiên có ảnh hưởng đến một bộ phận người Hoa là thương nhân và tiểu chủ. Trung Quốc bèn lấy cớ đó tuyên truyền Việt Nam thực hiện chính sách bài Hoa, tạo nên phong trào đòi được lấy quốc tịch Trung Quốc trong cộng

đồng người Hoa ở Việt Nam; đồng thời phao tin rằng cuộc chiến tranh giữa hai nước là không tránh khỏi, khiến cộng đồng người Hoa hoảng hốt tìm cách rời khỏi Việt Nam. Tính cả năm 1978 đến trước tháng 2/1979, có khoảng 160.000 Hoa kiều đã hồi hương, phần lớn qua cửa khẩu Hữu Nghị quan. Trung Quốc ban đầu tỏ ra quan tâm, lập các trạm đón tiếp và đưa tàu đến đón họ về nước, nhưng đến ngày 12/7/1978, Trung Quốc đột ngột đóng cửa biên giới, khiến hàng vạn người Hoa bị kẹt tại biên giới, gây ra cảnh hỗn loạn ở vùng cửa khẩu (Nguyễn Hồng Quân, 2019). Việc này vừa để gây thêm tiếng xấu cho Việt Nam trên thế giới, vừa buộc Việt Nam phải giải quyết hậu quả, trong bối cảnh biên giới đang đứng trước một cuộc xung đột lớn.

Ngày 18/12/1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc mở Hội nghị lần thứ 3, quyết định 3 vấn đề: trao quyền lực cho Đặng Tiểu Bình; thực hiện cải cách mở cửa, mở ra kỷ nguyên phát triển mới cho Trung Quốc; tuyên bố chấm dứt Hiệp ước Hữu nghị Xô - Trung và đoạn tuyệt khối xã hội chủ nghĩa, đồng thời bình thường hóa quan hệ với Mỹ (Thiên Nam, 2019). Đặng Tiểu Bình tuy lúc này chỉ là Phó Thủ tướng Quốc vụ viện và Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Trung Quốc, nhưng là người chủ xướng cải cách mở cửa, cũng như chủ trương chiến tranh biên giới với Việt Nam. Đến lúc này, chiến lược mới của Trung Quốc rõ ràng đã được xác quyết: thực hiện cải cách

mở cửa; quyết liệt chống Liên Xô (cũng tức là bao gồm chống Việt Nam); thực hiện bình thường hóa quan hệ với Mỹ để làm chỗ dựa mới cho đường lối này (sẽ viết rõ hơn trong phần nói về sự chuẩn bị về ngoại giao).

Đến ngày 22/12/1978, Trung Quốc ngừng hoạt động trên tuyến xe lửa liên vận tới Việt Nam; tiếp theo đó tháng 1/1979, đường bay Bắc Kinh - Hà Nội cũng bị cắt. Có thể nói đến lúc này Trung Quốc gần như đã cắt đứt những mối liên hệ cuối cùng với Việt Nam (chỉ còn Đại sứ quán Việt Nam nằm cô lập giữa Bắc Kinh).

## 1.2. Trên mặt trận ngoại giao

Từ cuối những năm 1960, Trung Quốc và Mỹ đã có sự xích lại gần nhau trong quan hệ quốc tế. Kết quả của chính sách này là sự ra đời của Thông cáo chung Thượng Hải (28/2/1972). Trung Quốc được vào Liên hiệp quốc, ngồi vào chiếc ghế trước đó thuộc về Đài Loan. Nước Mỹ cũng thừa nhận lập trường của Trung Quốc rằng "chỉ có một Trung Quốc và Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc" (Lê Phụng Hoàng, 2007: 273). Trung Quốc sẽ ngăn trở lực lượng cách mạng Việt Nam đi đến thống nhất đất nước. Đầu những năm 1970, Trung Quốc muốn tiếp tục cùng Mỹ xây dựng liên minh chống Liên Xô, nhưng nước Mỹ không đáp ứng vì lúc này muốn ưu tiên hòa hoãn Xô - Mỹ. Tuy nhiên những năm cuối thập niên 1970, Mỹ đã thay đổi thái độ do lo ngại sức mạnh quân sự của Liên Xô và ảnh

hưởng ngày càng tăng lên của Liên Xô trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt thông qua mối quan hệ tốt đẹp với Việt Nam. Việc Việt Nam ký với Liên Xô Hiệp ước hợp tác hữu nghị (3/11/1978), gia nhập khối SEV và cho phép Liên Xô sử dụng cảng Cam Ranh trong 25 năm; đồng thời trong năm 1979 Liên Xô đưa quân vào Afganistan, càng làm gia tăng lo ngại của Mỹ về sức mạnh toàn cầu của Liên Xô. Trung Quốc nhận thấy đây chính là cơ hội để lôi kéo Mỹ hợp tác chống Liên Xô, đồng thời thực hiện bình thường hóa quan hệ với Mỹ, nhằm mở cửa phát triển kinh tế. Tháng 12/1978, thông qua Văn phòng đại diện của Mỹ tại Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình đã thỏa thuận với Mỹ về các mục tiêu trên. Để tăng thêm lòng tin với Mỹ, Trung Quốc thông báo ý định tiến công Việt Nam. Thất bại ở Việt Nam năm 1975 vẫn còn là vết thương nhức nhối đối với Mỹ, nên kế hoạch chiến tranh của Trung Quốc đương nhiên được Mỹ ủng hộ. Ngày 1/1/1979, Mỹ - Trung ra Tuyên bố bình thường hóa quan hệ. Ngày 28/1/1979, Đặng Tiểu Bình sang Mỹ thảo luận về sự ủng hộ cụ thể của Mỹ khi cuộc chiến biên giới nổ ra, như ngăn chặn các nghị quyết phản đối của Liên Xô gửi lên Liên hiệp quốc, hoặc cung cấp các thông tin tình báo về động thái của quân đội Liên Xô... Tháng 2/1979, Trung Quốc tiến công Việt Nam. Giới chức Mỹ ngầm ủng hộ Trung Quốc bằng cách khuyến cáo Liên Xô không nên can thiệp, nếu không muốn đối đầu với cả Mỹ và Trung Quốc, hay

làm giảm khả năng ký kết Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược Xô - Mỹ (SALT) (Thiên Nam, 2019). Bằng nhiều cách, Trung Quốc ngăn ngừa việc Liên Xô có thể can thiệp trực tiếp vào Việt Nam khi cuộc chiến nổ ra.

Song song với việc tìm sự ủng hộ của Mỹ, Trung Quốc mở cuộc vận động ngoại giao ở nhiều nước Châu Á và Đông Nam Á. Ngày 12/8/1978, Trung Quốc ký với Nhật Bản Hiệp ước hòa bình, hữu nghị, nhằm đảm bảo an toàn ở phía Đông để rảnh tay tiến hành chiến tranh ở phía Nam, đồng thời lôi kéo sự ủng hộ của Nhật Bản cho kế hoạch này của mình. Tiếp đó tháng 11/1978, Đặng Tiểu Bình đi thăm các nước Đông Nam Á để thăm dò thái độ. Đặng tuyên truyền Hiệp ước hữu nghị Việt - Xô là mối đe dọa cho các nước Đông Nam Á, rằng Việt Nam là "tiểu bá" và Liên Xô là "đại bá", rằng Việt Nam đang thực hiện nhiều hoạt động lấn chiếm, gây rối ở biên giới Trung Quốc, Campuchia. Phần lớn các nước Đông Nam Á chưa đồng tình tham gia liên minh với Trung Quốc chống lại Việt Nam và Liên Xô, riêng Thái Lan đồng ý cho máy bay Trung Quốc quá cảnh qua Thái Lan để tiếp viện cho Khmer Đỏ ở Campuchia. Trong tháng 12/1978, Đặng Tiểu Bình tiếp tục công du tới các nước Châu Á khác, đưa ra những tuyên bố mạnh mẽ hơn trước (Thiên Nam, 2019).

### 1.3. Trên mặt trận quân sự

Từ năm 1975, tình hình biên giới Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu trở nên

căng thẳng. Quân đội Trung Quốc đã tiến hành nhiều hoạt động khiêu khích vũ trang và lấn đất của Việt Nam. Số vụ vi phạm của quân đội Trung Quốc trên biên giới ngày càng tăng: 234 vụ năm 1975; 812 vụ năm 1976; 873 vụ năm 1977 và 2.175 vụ năm 1978 (Lê Gạch, 2019). Tuy nhiên Trung Quốc luôn rêu rao với người dân Trung Quốc và thế giới rằng Việt Nam mới là kẻ gây hấn và Trung Quốc chỉ đáp trả, để tạo nên một trong những cái cớ chính đáng cho cuộc xâm lược của Trung Quốc sau đó.

Cuối năm 1978, Trung Quốc bắt đầu chuẩn bị chiến trường và lực lượng cho cuộc xâm lược trên biên giới, như: làm nhiều đường cơ động, tập kết cơ sở vật chất, sơ tán dân vùng biên về phía sau, điều động quân số lớn lên biên giới, tổ chức các cuộc diễn tập...

Tuy nhiên, sự chuẩn bị về mặt quân sự lớn nhất của Trung Quốc chính là sử dụng Khmer Đỏ khiêu khích, gây rối Việt Nam trên biên giới Tây Nam. Trong cuốn *Chiến tranh giữa những người anh em đỏ*, Grant Evans và Kevil Rowley (1986) cũng đánh giá: "Từ năm 1975, Bắc Kinh trở thành người chủ nước ngoài chính của chế độ Campuchia dân chủ, và đã sử dụng chế độ đó để đẩy mạnh sức ép với Hà Nội. Khi cuộc chiến tranh Việt Nam - Campuchia nổ ra, Bắc Kinh công khai đứng sau lưng Phnôm-pênh". Trung Quốc muốn mượn tay Khmer Đỏ để quấy rối biên giới Tây Nam, gây bất ổn cho Việt Nam. Lãnh đạo Khmer Đỏ ra sức tuyên truyền

trong lực lượng vũ trang và nhân dân Khmer rằng "Việt Nam là kẻ thù truyền kiếp, là kẻ thù số 1".

Từ tháng 5/1975, Khmer Đỏ đã đưa quân tiến công chiếm các đảo Phú Quốc và Thổ Chu của Việt Nam, bắt đầu thời kỳ lấn chiếm, bắn phá nhiều nơi trên biên giới Tây Nam. Cùng năm đó, Bắc Kinh quyết định tăng số viện trợ kinh tế và quân sự cho Campuchia lên tổng cộng 1 tỉ USD, trong đó viện trợ ngay lập tức không hoàn lại 20 triệu USD. Ngày 10/2/1976, Trung Quốc ký với Campuchia một hiệp ước quân sự, cam kết tiếp tục viện trợ cho Campuchia (Lê Phụng Hoàng, 2008: 350). Đến tháng 4/1977, Khmer Đỏ mở cuộc tiến công quy mô trên toàn tuyến biên giới Tây Nam Việt Nam, "huy động hàng vạn bộ binh có xe tăng và trọng pháo yểm trợ, có khi vào sâu lãnh thổ Việt Nam hơn 30 kilomet, giết hại dã man dân thường, tàn phá nhà cửa hoa màu, gây nên biết bao tội ác không thể dung thứ" (Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1979: 81). Trước tình hình này, Việt Nam một mặt vừa cho quân đội đẩy lùi các cuộc tiến công của Khmer Đỏ, vừa cố gắng thương thuyết để lập lại hòa bình ở biên giới. Tình hình cứ diễn ra như vậy trong suốt năm 1978. Quân đội Việt Nam có lúc đẩy lùi quân Khmer Đỏ vào sâu trong lãnh thổ Campuchia đến 50 kilomet, nhưng khi rút quân về thì sau đó lính Khmer Đỏ lại thọc sang biên giới Việt Nam. Lãnh đạo Khmer Đỏ bác bỏ mọi cố gắng ngoại giao của

Việt Nam, ra sức vu cáo Việt Nam xâm lược trước thế giới. Sau gần 2 năm nhần nhện, cuối cùng từ ngày 25/12/1978 đến 7/1/1979, quân đội Việt Nam đã cùng với lực lượng Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia (được thành lập ngày 2/12/1978, ban đầu gồm những người ly khai chế độ Pol Pot, tìm đường sang Việt Nam nhờ giúp cứu đất nước Campuchia khỏi hoạ diệt chủng) tiến vào giải phóng Campuchia. Lực lượng Pol Pot bỏ chạy khỏi Phnôm Pênh, rút về vùng biên giới Thái Lan. Theo Grant Evans và Kevil Rowley (1986), trong những năm này, thực ra Trung Quốc chỉ muốn Campuchia thực hiện các vụ xung đột, gây rối trên biên giới để làm cho Việt Nam phải “chảy máu” lâu dài, nhưng những tay sai của Trung Quốc không đủ khả năng để thực hiện điều này, nên chúng đã gây ra cuộc tiến công qui mô lớn mang tính “tự sát” và nhanh chóng sụp đổ trước Việt Nam. Mặc dù không hài lòng, nhưng Trung Quốc cũng không thể bỏ mặc Campuchia, nên một mặt lấy cớ đó để tiến công Việt Nam tháng 2/1979, mặt khác tiếp tục nuôi dưỡng tàn quân Khmer Đỏ ở vùng biên giới Thái Lan, buộc Việt Nam phải duy trì lâu dài một lực lượng lớn quân đội trên đất Campuchia.

#### 1.4. Trên mặt trận kinh tế

Từ năm 1977, Trung Quốc đã cắt hoàn toàn viện trợ cho Việt Nam, đặc biệt là nguồn viện trợ xăng dầu, vốn chiếm 1/2 số xăng dầu mà Việt Nam đang sử dụng (Thiên Nam, 2019). Các

cuộc tiến công gây rối trên biên giới phía Bắc, đặc biệt là cuộc chiến tranh do Khmer Đỏ gây ra ở biên giới Tây Nam, không chỉ gây bất ổn ở vùng biên giới, mà còn buộc cả đất nước, đặc biệt là các tỉnh Nam Bộ, không có sự ổn định để xây dựng kinh tế, phải đầu tư rất nhiều sức người sức của cho chiến tranh. Sau năm 1975, quân đội Việt Nam bắt đầu thực hiện giảm quân số thường trực, để giảm gánh nặng cho nền kinh tế<sup>(1)</sup>, nhưng ngay sau đó đã phải thực hiện lệnh động viên nhập ngũ; đến ngày 5/3/1979, ban bố lệnh Tổng động viên trên toàn quốc. Nhân dân các địa phương, trong đó đặc biệt là ở các tỉnh biên giới, phải tham gia chiến đấu, đi dân công hoặc đi xây dựng phòng tuyến biên giới. Sau khi giải phóng Campuchia, dù bản thân đang rất khó khăn, Việt Nam vẫn phải giúp nhân dân Campuchia vượt qua nạn đói, khôi phục kinh tế và giúp xây dựng chính quyền mới tại đây... Có thể nói Trung Quốc đã thực hiện được ý đồ làm “chảy máu Việt Nam” trong giai đoạn này.

Hoạt động cải tạo công thương nghiệp, vốn là một hoạt động kinh tế bình thường của Việt Nam, nhằm thực hiện chuyển hướng kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa (theo quan điểm lúc bấy giờ), nhưng cũng bị Trung Quốc khai thác, tạo nên phong trào “nạn kiều” chạy khỏi Việt Nam, không chỉ gây bất ổn trong xã hội Việt Nam, mà còn gây lo ngại cho những người nước ngoài muốn đến làm ăn với Việt Nam.

Các hoạt động ngoại giao của Trung Quốc với Mỹ, Nhật và nhiều nước khác trên thế giới nhằm phá vỡ vị thế của Việt Nam sau chiến thắng năm 1975, khiến Việt Nam bị cô lập chưa từng có, không thể thông thương được với các nước nhằm tìm kiếm nguồn lực để khôi phục và phát triển kinh tế.

## **2. CUỘC CHIẾN TRÊN BIÊN GIỚI PHÍA BẮC VÀ CUỘC CHIẾN Ở CAMPUCHIA (1979 - 1989)**

### **2.1. Cuộc chiến trên biên giới phía Bắc (17/2 - 16/3/1979)**

Sau khi đã chuẩn bị trên mọi phương diện, ngày 17/2/1979, quân đội Trung Quốc bắt đầu tiến công trên toàn tuyến biên giới Việt - Trung chiều dài hơn 1.400 kilomet, với sự tham gia của hơn 600.000 quân chủ lực thuộc 5 đại quân khu cùng 800 xe tăng và xe bọc thép (trong đó có 550 xe tăng), 480 khẩu pháo, 1.260 súng cối và dàn hỏa tiễn. Chỉ tính riêng lực lượng quân đội lớn nhất kể từ sau chiến tranh Triều Tiên, chiếm 1/4 lực lượng quân đội Trung Quốc (Thiên Nam, 2019). Theo nhiều tài liệu, ban đầu quân Trung Quốc chỉ định tiến công một trung đoàn bộ đội địa phương của Việt Nam ở huyện Trùng Khánh, nhưng trước sự sụp đổ của Khmer Đỏ ở Campuchia, Trung Quốc quyết định tiến công qui mô lớn để đủ mức "trừng phạt Việt Nam", gây ảnh hưởng đến thái độ của các nước trong khu vực. Tuy vậy trước cuộc tiến công, Đặng Tiểu Bình tuyên bố

đây là cuộc chiến có giới hạn 10 ngày (sau này được biết quân Trung Quốc có kế hoạch thực hiện trong 2 tuần, ít nhất tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam 50km).

Với lực lượng áp đảo, các đơn vị chủ lực quân Trung Quốc tưởng chỉ sau vài ngày có thể chiếm hết 5 tỉnh biên giới Việt Nam, nhưng không ngờ rằng chỉ trong thời gian hết sức ngắn đã phải gánh chịu tổn thất lớn. Tại thời điểm đó quân đội Việt Nam, mà chủ yếu là các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân tại chỗ, với lực lượng khoảng 70.000 người, tức chỉ bằng 1/9 quân Trung Quốc (Thiên Nam, 2019), đã đánh bại ý đồ đánh nhanh thắng nhanh của quân Trung Quốc. Mặc dù chịu tổn thất lớn, nhưng sau 16 ngày quân Trung Quốc chỉ tiến được xa nhất khoảng 1/10 quãng đường đến Hà Nội, đó là việc chiếm thị xã Lạng Sơn, cách biên giới Trung Quốc 15 kilomet.

Ngày 5/3/1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân. Cũng chính ngày này Việt Nam ra lệnh Tổng động viên toàn quốc và đang chuyển 2 quân đoàn chủ lực lên biên giới phía Bắc. Tuy ngày 5/3/1979, Trung Quốc bắt đầu rút quân, nhưng phải đến ngày 16/3/1979, Trung Quốc mới rút gần hết quân ra khỏi Việt Nam. Trong thời gian này, một số đơn vị quân chủ lực Việt Nam đã lên đến biên giới, nhưng được lệnh không truy kích, thể hiện thiện chí của Việt Nam không muốn có thêm những tổn thất nhân mạng cho nhân dân hai nước.

## 2.2. Cuộc chiến kéo dài trên biên giới phía Bắc và tại Campuchia

### 2.2.1. Trên biên giới phía Bắc

Ngày 16/3/1979, về cơ bản quân Trung Quốc đã rút khỏi Việt Nam, nhưng một bộ phận quân Trung Quốc không lui về, mà tiếp tục chiếm giữ các điểm cao ở huyện Vị Xuyên (thuộc tỉnh Hà Tuyên cũ, nay là Hà Giang) của Việt Nam, tổ chức pháo kích và mở các cuộc tiến công sang Việt Nam. Theo Trần Ngọc Long (2019), quân Trung Quốc tiếp tục duy trì điểm nóng tại Vị Xuyên vì đây là khu vực mà qui định về đường biên giới còn chưa thật rõ ràng (địa bàn lý tưởng để biện minh cho cuộc tiến công của Trung Quốc trước đó); tiếp tục buộc Việt Nam phải duy trì một lực lượng lớn quân đội bám trụ tại đây, trong điều kiện rừng núi hiểm trở, tiếp tế hết sức khó khăn. Nhưng có lẽ việc Trung Quốc duy trì điểm nóng Vị Xuyên còn có một mục đích khác: phối hợp, "chia lửa" với những lực lượng còn lại của Khmer Đỏ đang lập căn cứ trên biên giới với Thái Lan và tiếp tục tiến công vào nội địa Campuchia, nơi quân đội Việt Nam và quân đội giải phóng Campuchia đang chiếm giữ. Điều này lý giải vì sao từ nửa cuối năm 1984, đặc biệt từ tháng 11/1984, mặt trận Vị Xuyên trở nên nóng bỏng và ác liệt, bởi cũng chính trong thời gian này, các đơn vị thuộc mặt trận 479 và 779 của Việt Nam tại Campuchia đã phối hợp với các quân khu của Campuchia mở liên tiếp 2 cuộc tiến công mùa khô 1984 - 1985 và 1986 - 1987, những chiến dịch lớn

nhất trên biên giới Campuchia - Thái Lan và trong nội địa Campuchia kể từ sau năm 1979 (Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, 2010).

Tại mặt trận Vị Xuyên, quân Trung Quốc và quân đội Việt Nam giành giật với nhau từng cao điểm, từng tấc đất. Lúc cao điểm, mặt trận Vị Xuyên phải huy động tới 9 sư đoàn bộ đội chủ lực tham gia chiến đấu. Quân Trung Quốc lợi dụng ngay từ đầu chiếm được các vị trí cao hơn, dễ quan sát hơn nên ra sức pháo kích, rồi dùng lực lượng đông hơn tổ chức tiến công chiếm các điểm cao của Việt Nam. Các đơn vị Việt Nam cố gắng bẻ gãy các cuộc tiến công và chiếm lại các cao điểm đã mất. Có những trận đánh nhiều cán bộ, chiến sĩ Việt Nam đã hy sinh, như trận đánh ngày 12/7/1984, chỉ riêng sư đoàn 356 đã có gần 600 cán bộ, chiến sĩ hy sinh. Trong khoảng nửa đầu tháng 6/1985, khi trên mặt trận Campuchia, chiến dịch mùa khô của quân đội Việt Nam và quân đội giải phóng Campuchia giành thắng lợi lớn, thì trên mặt trận Vị Xuyên, quân Trung Quốc sử dụng pháo binh bắn bất kể ngày đêm và tổ chức 21 cuộc phản kích chiếm lại điểm cao A6b. Cuối tháng 9, quân Trung Quốc tiếp tục mở đợt tiến công qui mô (từ đông sang tây sông Lô) để chiếm điểm cao Cô Ích, nhưng những cuộc tiến công này đều bị quân đội Việt Nam bẻ gãy. Năm 1986, quân Trung Quốc tiếp tục tổ chức thêm 7 cuộc tiến công vào các điểm cao của Việt Nam, nhưng quân đội Việt Nam vẫn giữ vững được các



trận địa. Hai năm tiếp theo, 1987 - 1988, quân Trung Quốc không mở các cuộc tiến công nữa, mà chỉ còn thực hiện các đợt pháo kích (Trần Ngọc Long, 2019). Tương ứng với sự giảm thiểu tiến công của quân Trung Quốc ở biên giới phía Bắc, trong thời gian này, lực lượng Khmer Đỏ ở Campuchia cũng đã hoàn toàn bị đè bẹp. Năm 1989, khi quân đội Việt Nam rút khỏi Campuchia, quân Trung Quốc mới chịu rút khỏi 20 điểm lán chiếm lãnh thổ Việt Nam tại Vị Xuyên.

### **2.2.2. Campuchia và những ván bài của Trung Quốc**

Từ ngày 7/1/1979, Campuchia được giải phóng khỏi chế độ Khmer Đỏ. Những tháng sau ngày này, Việt Nam có thể nhanh chóng giúp Campuchia khôi phục sản xuất, ổn định xã hội, tạo dựng chính quyền mới, rồi rút quân khỏi Campuchia, nhưng thực tế lúc này Việt Nam bắt đầu gặp phải những khó khăn và thách thức lớn nhất.

Sau khi Khmer Đỏ bị sụp đổ ở Campuchia, ngày 11/1/1979, Trung Quốc đã đưa ra Dự thảo nghị quyết về Campuchia trước Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, cho rằng: “[H]ành động xâm lăng của Việt Nam chống Campuchia dân chủ tạo ra mối đe dọa hòa bình và an ninh thế giới”, đòi quân đội Việt Nam phải rút khỏi Campuchia; nhưng Dự thảo này đã bị Liên Xô phủ quyết (Phạm Thị Hồng Vinh, 2018: 359).

Để trả đũa, Trung Quốc mở cuộc tiến công xâm lược trên biên giới phía Bắc của Việt Nam (17/2/1979) và kéo dài

cuộc chiến đó trong 10 năm tiếp theo (như trên đã nói). Đó cũng là một phần của cuộc chiến “phức hợp” khác mà Trung Quốc tiếp tục gây ra với Việt Nam sau năm 1979.

Với sự trợ giúp của Mỹ, Trung Quốc đã tăng cường vu cáo trước thế giới rằng quân đội Việt Nam xâm lược Campuchia, dù bản chất của cuộc tiến công này không phải như vậy. Đông Nam Á là địa bàn chủ yếu cho sự vu cáo này. Trung Quốc dọa dẫm rằng liên minh Việt Nam với Liên Xô sẽ đe dọa đến chủ quyền các nước, giống như đã xảy ra ở Campuchia. Theo Ngô Tuấn Thắng (2016), Trung Quốc cũng hứa hẹn sẽ viện trợ và không ủng hộ lực lượng cộng sản ở các nước này (dù đây là những lực lượng vốn do Trung Quốc tạo ra và tài trợ) (dẫn theo Phạm Thị Hồng Vinh, 2018: 359). Các nước Đông Nam Á không hẳn tin vào các luận điệu của Trung Quốc, nhưng chính sách ngoại giao mang tính gây áp lực của Trung Quốc cộng với sự lo lắng trước khả năng bành trướng của chủ nghĩa cộng sản, đã khiến các nước này hoặc quay lưng lại, hoặc ủng hộ Trung Quốc chống Việt Nam. Thái Lan và Singapore là những nước ủng hộ Trung Quốc mạnh mẽ hơn cả. Đặc biệt là Thái Lan có lý do để lo ngại, khi thấy chỉ trong chưa đầy 1 tháng quân đội Việt Nam đã lật đổ hoàn toàn chế độ Khmer Đỏ; trong khi Băng Cốc cách biên giới Campuchia không xa. Vì vậy, khi những lực lượng Khmer Đỏ còn lại rút chạy về biên giới Campuchia - Thái Lan, nước này đã

cùng với Trung Quốc giúp xây dựng các căn cứ đứng chân và viện trợ cho Khmer Đỏ tiếp tục chống Việt Nam.

Tại thời điểm đó Trung Quốc cũng lợi dụng vị thế của một nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc để cô lập Việt Nam trước thế giới. Mỹ tuyên bố Việt Nam là “nguồn gây rắc rối cho toàn khu vực” (Trần Hùng Minh Phương, 2018: 336) và thúc đẩy các nước Đông Nam Á cùng tham gia trừng phạt Việt Nam về kinh tế. Tổ chức Liên hiệp quốc, vốn từng ủng hộ Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ, cũng ra nghị quyết công nhận chính quyền Pol Pot là đại diện hợp pháp của Campuchia và buộc Việt Nam phải rút quân khỏi Campuchia (Trần Hùng Minh Phương, 2018: 330). Tình hình Việt Nam lúc này đúng như Grant Evans và Kevil Rowley (1986) đánh giá: “Trong khi giữ cho tình hình tiếp tục căng thẳng trên biên giới Trung - Việt và ủng hộ các du kích chống Việt Nam hoạt động ở Campuchia, Trung Quốc tập trung vào việc gây sức ép ngoại giao tới đa đối với Việt Nam. Trong việc này Trung Quốc được sự ủng hộ của Mỹ và đạt được nhiều thắng lợi. Sự can thiệp của Việt Nam hầu như bị lên án một cách phổ biến bởi các nước ngoài khối Xô Viết (và một vài nước trong khối đó). Viện trợ của phương Tây cho Việt Nam bị cắt bỏ trong khi

nền kinh tế gặp khó khăn. Năm 1979, Hà Nội tự thấy bị bao vây hơn bất cứ lúc nào trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai”.

### 3. KẾT LUẬN

Sau năm 1975, đất nước Việt Nam vừa ra khỏi cuộc chiến tranh chống Mỹ (mà các nhà nghiên cứu quốc tế gọi là cuộc chiến Đông Dương lần thứ 2), thì đã phải đương đầu với 2 cuộc chiến tiếp theo trên biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (được quốc tế gọi là cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ ba). Với cách gọi như thế, có thể nói giới nghiên cứu quốc tế nhìn thấy rõ mối quan hệ giữa hai cuộc chiến biên giới và những tác động của tình hình quốc tế, hay nói cụ thể hơn là tác động trong quan hệ của những nước lớn đến các cuộc chiến tranh này. Có thể nói các cuộc chiến biên giới này là những dư chấn mà Việt Nam khó tránh khỏi sau các cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất và lần thứ hai (kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ), do tham vọng và mối quan hệ thường xuyên biến động giữa các nước lớn. Bài học lớn nhất của Việt Nam sau các cuộc chiến tranh này là phải xây dựng được mối quan hệ thân thiện, cân bằng với tất cả các nước, đặc biệt là với các nước lớn; đồng thời luôn luôn đề phòng các “cuộc chiến phức hợp” khác trong tương lai. □

### CHÚ THÍCH

(1) Từ tháng 5/1975 - 4/1977, chỉ riêng Quân khu 7 (Đông Nam Bộ) đã cho chuyển ngành, phục viên 33.797 cán bộ, chiến sĩ; giải quyết nghỉ phép, thăm quê cho 12.000 hạ sĩ quan,

chiến sĩ; cho 2.000 cán bộ, chiến sĩ đi học tại các trường đại học và chuyên nghiệp tại TPHCM... (Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, 2010).

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 4/10/1979. Sách trắng: *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
2. Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 7. 2010. *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 7 chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia (1977 - 1989)*. Tài liệu lưu trữ tại Phòng Khoa học công nghệ Quân khu 7.
3. Grant Evans & Kelvin Rowley. 1986. *Chiến tranh giữa những người anh em đỏ*. Chương 10: *Kết luận*. Người dịch: Nguyễn Tấn Cư. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân. Số hóa: nguyenvang, ptlinh. Nguồn: quansuvn.net.
4. Lê Gạch. 2019. "Biên giới phía Bắc 1979: 5 ý đồ của Trung Quốc khi tiến công Việt Nam", theo Infonet ngày 13/2/2019; <https://infonet.vn/bien-gioi-phia-bac-1979-5-y-do-cua-trung-quoc-khi-tan-cong-viet-nam-post290256.info>.
5. Lê Phụng Hoàng. 2007. *Lịch sử quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai*. Tập 1: 1945 - 1975. TPHCM: Nxb. Đại học Sư phạm TPHCM.
6. Lê Phụng Hoàng. 2008. *Lịch sử quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến cuối Chiến tranh lạnh*. TPHCM: Nxb. Đại học Sư phạm TPHCM.
7. Nguyễn Hồng Quân. 2019. "Trung Quốc dự liệu đúng về Liên Xô khi tấn công Việt Nam năm 1979" (Bài phỏng vấn GS. Nguyễn Hồng Quân, nguyên Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Quốc phòng). <https://vnexpress.net/40-nam-cuoc-chien-bao-ve-bien-gioi-phia-bac/trung-quoc-du-lieu-dung-ve-lien-xo-khi-tan-cong-viet-nam-nam-1979-3877111.html>, ngày 13/2/2019.
8. Phạm Thị Hồng Vinh. 2018. "Cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và vấn đề Campuchia trong các mối quan hệ quốc tế". Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Một số vấn đề chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam*, do Đại học Quốc gia TPHCM và Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức, tháng 4/2018.
9. Thiên Nam. 2019. "Tháng 12/1978 Bắc Kinh quyết tiến công biên giới Việt Nam". <http://baodatviet.vn/the-gioi/quan-he-quoc-te/thang-12-1978-bac-kinh-quyet-tan-cong-bien-gioi-viet-nam-3373417>, ngày 11 - 14/2/2019.
10. Trần Hùng Minh Phương. 2018. "Phản ứng của cộng đồng quốc tế đối với nhiệm vụ quốc tế của Việt Nam ở Campuchia (1979 - 1991)", trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Một số vấn đề chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam*, do Đại học Quốc gia TPHCM và Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức, tháng 4/2018.
11. Trần Ngọc Long. 2019. "Khúc tráng ca Vị Xuyên". Báo Sài Gòn giải phóng, ngày 15/2/2019.